

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-PT
Ngày 09-4-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Ông Nguyễn Khắc Chiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 01, 04 tháng 3 và 09 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2024/QĐPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Quang T, sinh năm 1974

2. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1977

Đều có địa chỉ: Khu Y, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Lê Quang T và Nguyễn Thị Thúy H:
Công ty Luật TNHH Đ H, địa chỉ: Số X, đường Đại lộ H V, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2024).
Đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH Đ H: Bà Vũ Thị H – chức vụ: Giám đốc. Người thực hiện công việc ủy quyền theo sự phân công của Công ty: Bà Vũ Thị H, bà Đỗ Minh N, bà Đoàn Thị Hồng V và ông Nguyễn Hồng M.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H, đều là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông và ông Lê Quang T có quen biết nhau. Ngày 26/02/2019, ông T có cho vợ chồng ông T, Bà H vay số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), để kinh doanh, lãi xuất thỏa thuận ngoài không ghi trong giấy. Khi vay không thể chấp tài sản gì. Khi vay ông T tự tay viết và ký vào Giấy vay tiền ngày 26/02/2019, trong Giấy vay tiền ông T có ghi nội dung: Tôi là Lê Quang T, vợ là Nguyễn Thị H, địa chỉ thường trú thôn Y, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ, có vay của ông Hoàng Văn T địa chỉ thường trú Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ, số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, hạn đến ngày 26/03/2019 sẽ thanh toán đầy đủ số tiền vay, người vay Lê Quang T có ký và ghi rõ họ tên. Bà H vợ ông T không ký Giấy vay tiền nhưng ông T nói với ông T là đã thông báo cho Bà H biết việc ông T đến để vay ông T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Đến ngày 02/04/2019 thì vợ chồng ông T, Bà H tiếp tục vay ông T số tiền 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng). Khi vay ông T có viết Giấy vay tiền có ghi nội dung: Tôi là Lê Quang T, vợ là Nguyễn Thị Thúy H, địa chỉ thường trú thôn Y, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ, có vay của ông Hoàng Văn T địa chỉ thường trú Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ, số tiền là 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, hạn đến ngày 01/05/2019 sẽ thanh toán đầy đủ số tiền vay, người vay Lê Quang T vợ Nguyễn Thị Thúy H có ký và ghi rõ họ tên, tiền lãi có thỏa thuận ngoài không ghi trong giấy vay. Khi vay thì vợ chồng ông T, Bà H cam kết đến ngày 01/5/2019 sẽ trả đủ số tiền vay là 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) của giấy vay này và hứa nếu không trả được sẽ trả bằng tài sản nên ông T đồng thời có viết Giấy biên nhận bán tài sản trên đất với nội dung: Hôm nay ngày 02/4/2019, tôi tên là Lê Quang T, số chứng minh nhân dân 131091735 cấp ngày 26/3/2015 hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Tôi có thửa đất và tài sản trên đất có Giấy chứng nhận QSD đất số BO217054 cấp ngày 13/6/2013 và tài sản trên đất nay tôi chuyển nhượng lại quyền sở hữu thửa đất trên cho anh Hoàng Văn T toàn quyền quản lý và sử dụng ô đất trên ở khu X, xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ với số tiền hai bên đã thỏa thuận với nhau như giấy nhận nợ, thời gian thanh toán cuối cùng là ngày 01/5/2019. Nếu tôi không trả được nợ thì anh Hoàng Văn T có quyền thu đất và tài sản trên đất mà tôi đã bàn giao bìa đỏ cho anh Hoàng Văn T quản lý và sử dụng đất và tài sản trên đất, tôi không khiếu kiện và thắc mắc gì. Ngày 02/04/2019 người bán Lê Quang T, người mua Hoàng Văn T, người làm chứng Nguyễn Sơn Ca, Nguyễn Thị Kim Liên đã ký và ghi rõ họ tên.

Do vợ chồng ông T, Bà H không trả được cho ông T số tiền

2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) nên ông T và ông T có thống nhất với nhau khoản nợ 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) vay ngày 02/4/2019 vợ chồng ông T trả cho ông T bằng việc chuyển nhượng QSD đất và tài sản trên đất mà ông T có viết Giấy biên nhận bán tài sản trên đất ngày 02/4/2019 cho ông T, sau đó hai bên đã chuyển nhượng xong cho nhau. Ngày 01/6/2019 ông T có viết Giấy xác nhận cho ông T với nội dung: Hôm nay ngày 01/6/2019 tôi Hoàng Văn T đã nhận hồ sơ thửa đất Thanh Ba và con dấu Công ty Đồng Phúc. Giữa tôi và anh Lê Quang T đã quyết toán xong công nợ về thửa đất và khoản vay có liên quan. Theo đúng như cam kết của Giấy biên nhận bán tài sản trên đất ngày 02/4/2019 mà ông T đã viết cho ông T. Ông T đã trả Giấy vay nợ gốc số tiền 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho ông T.

Vợ chồng ông T, Bà H còn nợ lại ông T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu) của Giấy vay tiền ngày 26/02/2019 và hẹn trả sau. Tuy nhiên sau đó ông T đã đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, Bà H không trả nợ cho ông T mà tìm cách khất lần, sau đó thì nói rằng đã trả cho ông T bằng tài sản là thửa đất và tài sản trên đất có giấy chứng nhận QSD đất số BO217054 cấp ngày 13/6/2013 ở khu X, xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ cho ông T.

Ông T không đồng ý việc vợ chồng ông T, Bà H cho rằng đã trả nợ cho ông số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) của Giấy vay tiền ngày 26/02/2019 bằng tài sản là thửa đất và tài sản trên đất ở khu X, xã Đ X, huyện T B, vì lý do như trên và nếu trả thì ông T đã trả lại giấy vay gốc cho vợ chồng ông T, Bà H. Hiện nay ông T vẫn giữ Giấy vay tiền ngày 26/02/2019, ông T đã cung cấp cho Tòa án.

Nay ông T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, Bà H phải trả cho ông số tiền vay nợ 600.000.000đ (Sáu trăm triệu) của Giấy vay tiền ngày 26/02/2019, tiền lãi ông T không yêu cầu vì trong giấy vay không ghi lãi suất, nên ông không đề nghị.

Bị đơn ông Lê Quang T trình bày: Ông T kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên qua người quen, ông T đến nhà ông T để vay tiền một vài lần kể từ đầu năm 2018, khi vay đều có thế chấp tài sản. Ngày 26/02/2019 ông T có vay của ông T số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Khi vay ông T có viết Giấy vay tiền có ghi nội dung như ông T đã trình bày nêu trên. Ông T xác nhận Giấy vay tiền ngày 26/02/2019 mà ông T cung cấp cho Tòa án là có thật, ông tự tay viết và ký vào Giấy vay tiền. Khi vay thì ông T có thế chấp xe ô tô Fotuner nhưng không ghi trong giấy vay và cũng không có tài liệu lưu giữ gì, lãi suất có thỏa thuận ngoài không ghi trong giấy vay. Đến ngày 02/04/2019 thì ông T, Bà H tiếp tục vay ông T số tiền 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng). Khi vay ông T có viết Giấy vay tiền, người vay Lê Quang T vợ Nguyễn Thị Thúy H có ký và ghi rõ họ tên, tiền lãi có thỏa thuận ngoài không ghi trong giấy vay. Khi vay thì ông T có viết Giấy biên nhận bán tài sản trên đất ngày 02/04/2019, người bán Lê Quang T, người mua Hoàng Văn T, người làm chứng Nguyễn Sơn Ca, Nguyễn Thị Kim Liên đã ký và ghi rõ họ tên.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, Bà H phải trả khoản nợ 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Quan điểm của ông T không đồng ý vì ông, bà đã trả nợ cho ông T số tiền này, thể hiện bằng việc ông T đã viết Giấy xác nhận: “ngày 01/6/2019 tôi Hoàng Văn T đã nhận hồ sơ thửa đất Thanh Ba. Giữa tôi và ông Lê Quang T đã quyết toán xong công nợ về thửa đất và khoản vay có liên quan”. Theo ông T thì giữa ông T và ông T không còn nợ nần nhau nữa bao gồm cả khoản vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) ngày 26/02/2019 và khoản vay 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) ngày 02/4/2019. Ông T cho rằng tài sản này chỉ quyết toán cho khoản vay 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng) ngày 02/4/2019 là không đúng. Ông T do tin tưởng và không đọc kỹ giấy xác nhận và đã không lấy lại giấy vay tiền gốc khoản vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) ngày 26/02/2019. Nay ông T kiện đòi vợ chồng ông T, Bà H số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Vợ chồng ông T, Bà H không đồng ý trả vì ngày 01/6/2019 vợ chồng ông T đã sang nhượng quyền sử dụng đất tại khu X, xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ cho ông T. Nên giữa vợ chồng ông T và ông T không còn nợ nần gì nữa.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Bà và anh Lê Quang T là vợ chồng. Khoảng năm 2019, ông T làm ăn có gặp ông T để vay tiền. Ngày 26/02/2019, ông T có vay ông Hoàng Văn T số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), trên Giấy vay tiền Bà H không ký tên ở phần người vay. Bà H xác định khoản vay của anh Tuấn đã trả. Đây là khoản vay chung của vợ chồng vì vay trong thời kỳ hôn nhân. Bà H giả sử nếu khoản này chưa trả thì bà và anh Trung có trách nhiệm trả cho ông T. Tuy nhiên vợ chồng bà đã trả hết số nợ 600.000.000 đồng cho anh Tuấn vào tháng 6 năm 2019. Sau đó ông T đã viết 01 Giấy xác nhận đề ngày 01/6/2019. Ông T khởi kiện đòi nợ vợ chồng bà trả nợ thì bà không nhất trí.

Người làm chứng ông Nguyễn Sơn Ca trình bày: Do quen biết nên ông Ca có giới thiệu ông Lê Quang T vay tiền của ông Hoàng Văn T. Ngày 02/4/2019 ông Ca có chứng kiến việc ông T viết Giấy biên nhận bán tài sản trên đất cho ông T với nội dung: Ông Lê Quang T có thửa đất và tài sản trên đất ở khu X, xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ có chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Văn T quản lý và sử dụng với số tiền hai bên đã thỏa thuận với nhau như giấy nhận nợ với nhau, ông T đã bàn giao bìa đỏ cho ông T. Nếu ông T không trả được nợ thì ông T có quyền thu đất và tài sản trên đất. Ông Ca chỉ chứng kiến việc ông T viết Giấy biên nhận bán tài sản trên đất cho ông T, ông Ca có ký người làm chứng, ông T và ông T cùng ký tên là đúng sự thật. Còn việc vay nợ cụ thể giữa ông T và ông T như thế nào, đã trả chưa và Giấy biên nhận bán tài sản này xác nhận để trả cho giấy vay nào thì ông Ca không biết.

Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim Liên có ký chứng kiến trong giấy biên nhận bán tài sản trên đất mà ông T viết cho ông T. Tòa án đã yêu cầu ông T, ông T cung cấp địa chỉ, số điện thoại, nhưng ông T, ông T đều không cung cấp được nên Tòa án không lấy được ý kiến của bà Liên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T đối với bị đơn ông Lê Quang T, Bà Nguyễn Thị Thúy H.

- Buộc vợ chồng ông Lê Quang T, Bà Nguyễn Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả nợ cho của ông Hoàng Văn T số tiền là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 20/8/2024 ông Lê Quang T, Bà Nguyễn Thị Thúy H đều có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H đề nghị không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H đều vắng mặt; Bà Vũ Thị H là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Bà thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung bản án. Do bị đơn không hiểu biết về pháp luật nên kháng cáo toàn bộ nội dung bản án. Nhưng nay bà mới tiếp cận hồ sơ vụ án được nên bà đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Lý do Tòa án nhân dân huyện Đ H tiến hành các thủ tục thụ lý vụ án xác định Bà H là bị đơn trong khi đó không ai cung cấp bất kỳ thông tin gì về Bà H, nguyên đơn cung cấp là Nguyễn Thị H mà thông báo thụ lý vụ án lại ghi là Nguyễn Thị Thúy H. Nếu xác định Bà Nguyễn Thị Thúy H là bị đơn nhưng trong Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ không hề có quan điểm của Bà H, mãi sau này mới có đơn xét xử vắng mặt của Bà H. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không đúng với Quyết định phân công Kiểm sát viên nhưng không thông báo cho đương sự. Các giấy vay tiền đều không thể hiện nội dung cam kết nào. Bà đề nghị đưa ông Trọng vào tham gia tố tụng vì ông Trọng là Giám đốc công ty Đồng Phúc và là chủ tài sản của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trọng chuyển nhượng cho ông T thì ông T mới gán nợ cho ông T bằng Giấy biên nhận bán tài sản. Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện xác định về việc yêu cầu Tòa án giải quyết Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Thông báo thụ lý lại xác định là về việc Kiện đòi tài sản. Tại phần nhận định Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp ở khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng khi tuyên án lại áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu Hội

đồng xét xử không hủy án được vì tố tụng thì bà đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, vì nghĩa vụ trách nhiệm này đã giải quyết xong, bị đơn không còn nợ gì nguyên đơn nữa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Lê Quang T, Bà Nguyễn Thị Thúy H là bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ngày 20/8/2024 ông Lê Quang T, Bà Nguyễn Thị Thúy H đều có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H đề nghị không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H đưa ra các lý do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nội dung bản án và đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Nếu không hủy bản án được thì đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu này trong phạm vi kháng cáo ban đầu được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Lê Quang T và Bà H (vợ ông Lê Quang T) đều là người bị kiện theo đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn T đề ngày 15/4/2024. Mặc dù trong đơn khởi kiện có ghi bị đơn là Nguyễn Thị H nhưng trong thông báo thụ lý đã ghi đúng tên của Bà H là Nguyễn Thị Thúy H, khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và quá trình giải quyết tiếp theo tại cấp sơ thẩm đến khi ra bản án sơ thẩm, các

đương sự không có ý kiến gì về nội dung này. Căn cứ vào khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H đều là bị đơn là đúng quy định của pháp luật nên giữ nguyên tư cách tham gia tố tụng của Bà Nguyễn Thị Thúy H là bị đơn.

Đối với việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không đúng với Quyết định phân công Kiểm sát viên nhưng không thông báo cho đương sự thì sau khi ngừng phiên tòa để xác minh, Tòa án nhân dân huyện Đ H đã có Báo cáo và bổ sung Quyết định thay đổi kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cũng đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H cũng đã cung cấp cho Tòa án Quyết định thay đổi kiểm sát viên nêu trên. Mặt khác tại phiên tòa sơ thẩm chủ tọa phiên tòa đã giới thiệu những người tiến hành tố tụng nhưng không ai có ý kiến thay đổi gì. Do vậy vi phạm thiếu sót nêu trên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về quan hệ tranh chấp: Trong phần nhận định tại bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã nhận định: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “kiện đòi tài sản (đòi tiền)”, được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhận định nêu trên là không phù hợp vì bản chất của việc kiện đòi tiền xuất phát từ việc có Hợp đồng vay tài sản và sau đó xảy ra tranh chấp nên phải xác định là Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản mới đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Đ H cũng đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2024/QĐ-SCBSBA ngày 23 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa tổng đạt cho các đương sự, đến giai đoạn mở phiên tòa phúc thẩm mới gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận sửa chữa, bổ sung này. Mặt khác tại phần trích yếu của bản án và trong Thông báo thụ lý vụ án lưu trong hồ sơ đều ghi quan hệ tranh chấp về việc kiện đòi tài sản là không chính xác, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm những sai sót nêu trên. Tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (xác định quan hệ tranh chấp phải giải quyết là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản) là phù hợp với pháp luật.

Tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Ngày 26/02/2019 ông Lê Quang T có vay của ông Hoàng Văn T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Vợ chồng ông Lê Quang T, Bà Nguyễn Thị Thúy H xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng. Bà Nguyễn Thị Thúy H đã trực tiếp viết bản tự khai ngày 26/4/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xác định khoản vay trên là khoản vay chung của vợ chồng. Các bị đơn không đồng ý trả nợ khoản tiền vay 600.000.000 đồng ngày 26/02/2019 cho nguyên đơn vì cho rằng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Tuy nhiên trong Giấy xác nhận ngày 01/6/2019 do ông Hoàng Văn T viết không ghi rõ “khoản vay có liên quan” là khoản vay nào, không thể hiện, không liệt kê các khoản vay có liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng vay tài sản và Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty là các quan hệ pháp luật khác nhau. Các bên có thể đối trừ nghĩa vụ cho nhau trên cơ sở thỏa thuận. Tuy nhiên ông Hoàng Văn T không đồng ý đối trừ nghĩa vụ là khoản vay 600.000.000 đồng của ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H thì ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả khoản vay này cho ông T. Giấy vay nợ gốc khoản vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) ngày 26/02/2019 ông T vẫn giữ, hiện đã giao nộp cho Tòa án, lưu trong hồ sơ vụ án. Ông T xác định do sơ xuất nên khi trả hết tiền đã không yêu cầu ông T trả lại giấy gốc này, là không có căn cứ.

Thẩm quyền của cấp phúc thẩm chỉ giải quyết lại quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản nêu trên trong phạm vi kháng cáo, không giải quyết các quan hệ pháp luật khác trong vụ án này. Đối với ông Hạ Đình Trọng, địa chỉ: Khu Đồng Tâm, thị trấn Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã có Bản trình bày ý kiến với nội dung: Ông đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình tại Công ty TNHH Đồng Phúc và không làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty nữa. Ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Công ty Đồng Phúc. Việc vay nợ giữa ông T và ông T, ông không được biết và không liên quan đến ông. Vì vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ không đưa ông vào tham gia tố tụng với bất kỳ tư cách gì và đề nghị Tòa án không gửi bất kỳ văn bản gì cho ông nữa.

Do đó người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị đưa ông Hạ Đình Trọng, sinh năm 1947 trước đây là Chủ tịch Hội đồng thành viên - Giám đốc Công ty TNHH Đồng Phúc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận, vì không liên quan đến tranh chấp Hợp đồng vay tài sản trong vụ án này. Đối với khoản vay 2.725.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng), hai bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết gì khoản vay này, nên Tòa án không xem xét là phù hợp với pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông T, Bà H có trách nhiệm trả nợ cho ông T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) theo giấy vay ngày 26/02/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật. Về tiền lãi: Ông T tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Quang T và Bà Nguyễn Thị Thúy H mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Lê Quang T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002307 ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Xác nhận Bà Nguyễn Thị Thúy H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002306 ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Chi